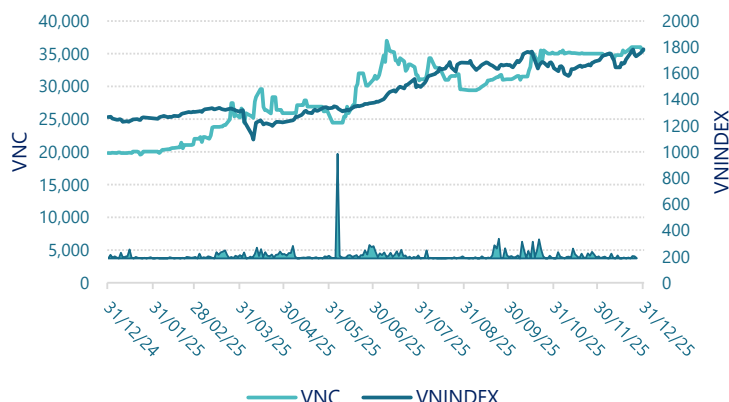


CTCP Tập đoàn Vinacontrol (HNX: VNC)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	35,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	36,993
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	19,568
SL cổ phiếu LH	20,999,112
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,600
% sở hữu nước ngoài	2.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	745
P/E	9.6
EPS	3,681

DT thuần

Q4/25

291

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 5.00 | 1.8%

YoY: ▲ 58.0 | 25.0%

LN sau thuế

Q4/25

30.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 3.80 | 14.3%

YoY: ▲ 21.7 | 255%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

9.8%

+/- YoY: ▲ 4.2%

DT thuần

2025

1,070

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 250 | 30.4%

LN sau thuế

2025

83.2

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 46.8 | 129%

ROE

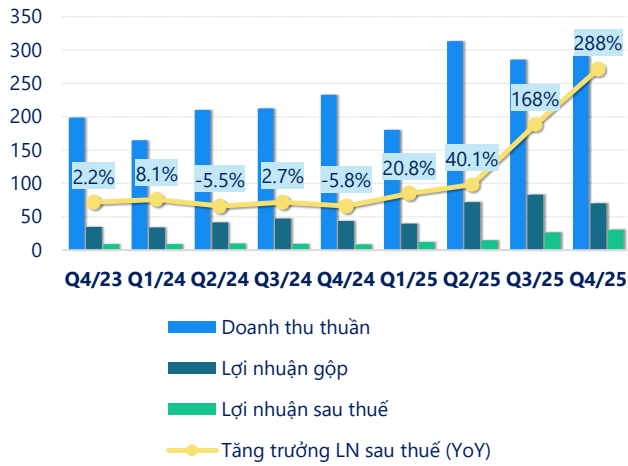
2025

25.3%

+/- YoY: ▲ 13.2%

tỷ VNĐ

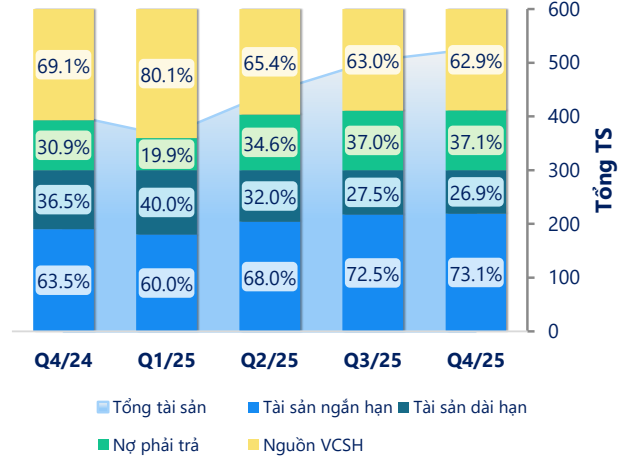
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

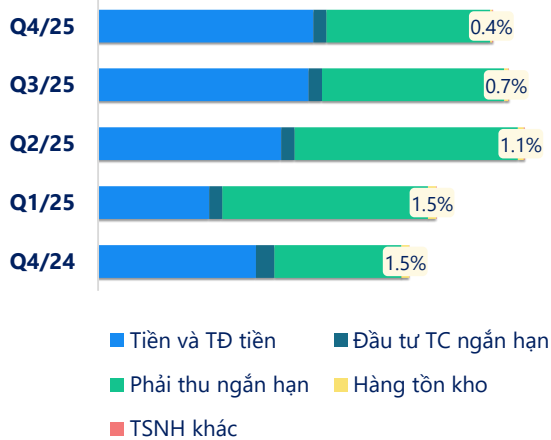
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



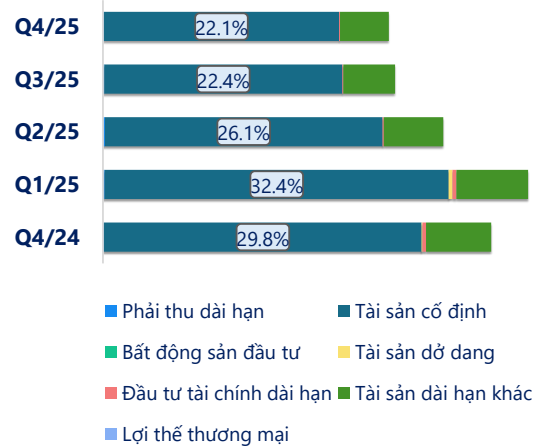
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

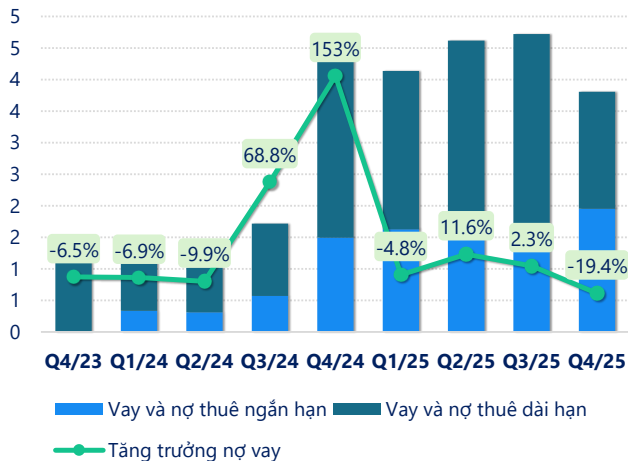
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

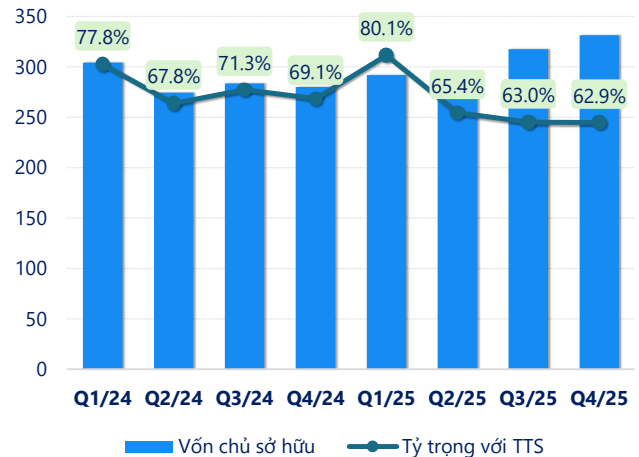
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

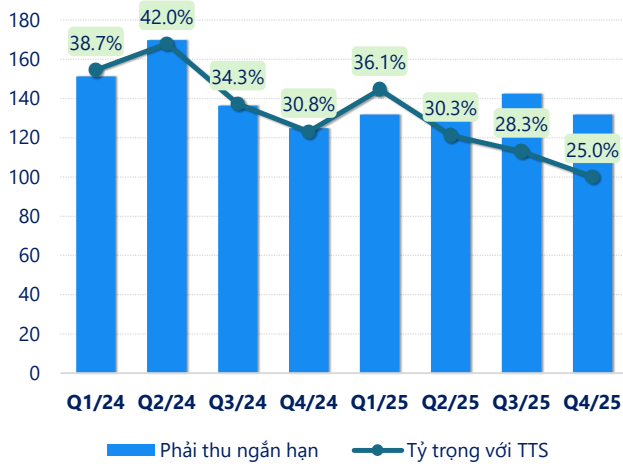
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


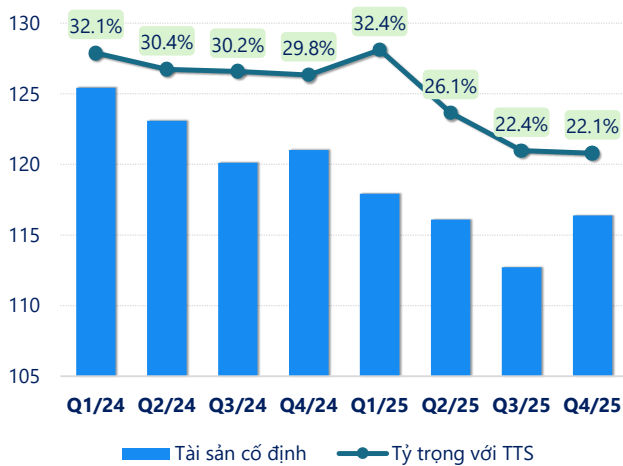
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho

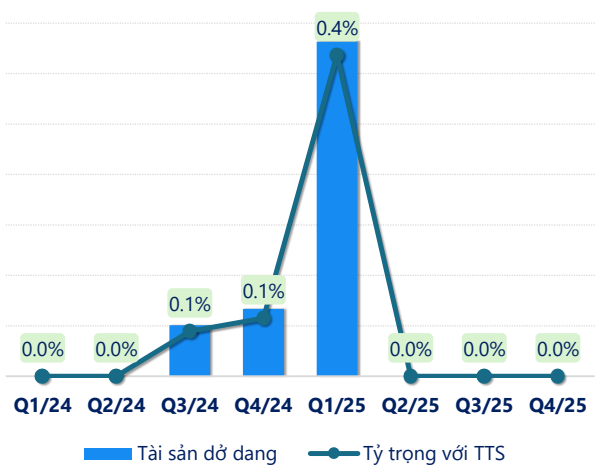

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

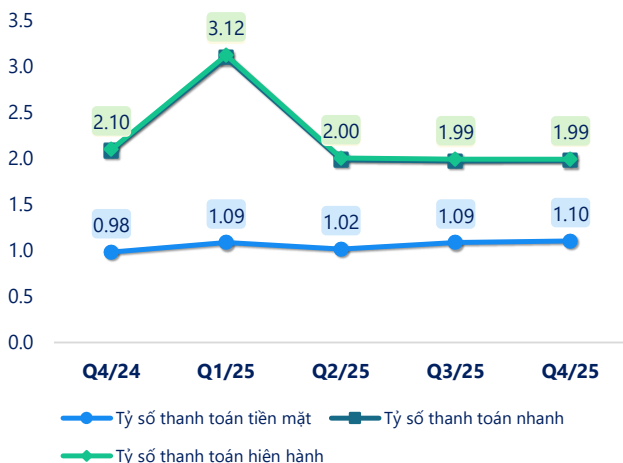
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

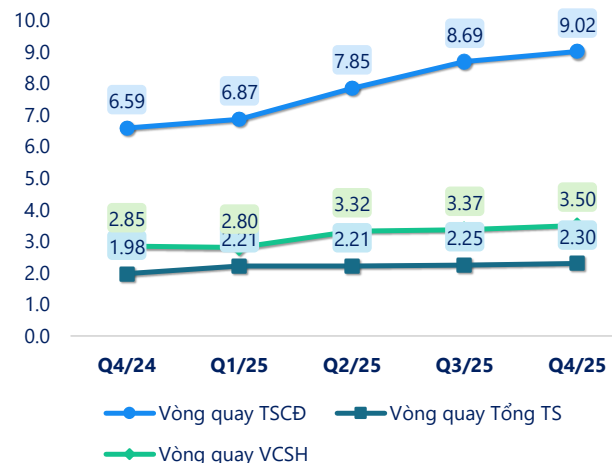
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	405	364	445	504	526
Tài sản ngắn hạn	257	219	302	365	385
Tiền và tương đương tiền	120	76.2	153	199	213
Đầu tư tài chính ngắn hạn	10.0	7.94	10.7	18.9	36.6
Phải thu ngắn hạn	125	132	135	142	132
Hàng tồn kho	1.59	1.93	2.66	3.78	2.75
Tài sản ngắn hạn khác	0.53	0.91	0.99	0.88	0.52
Tài sản dài hạn	148	146	142	138	142
Phải thu dài hạn	0.46	0.59	0.79	0.67	0.48
Tài sản cố định	121	118	116	113	116
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.27	1.33	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	1.37	1.25	0.48	0.48	0.48
Tài sản dài hạn khác	24.9	24.6	24.9	24.6	24.2
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	125	72.6	154	186	195
Nợ ngắn hạn	123	70.1	151	183	193
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1.50	1.63	1.79	1.61	1.95
Phải trả người bán ngắn hạn	7.56	7.64	7.18	7.82	11.6
Nợ dài hạn	2.85	2.51	2.83	3.11	1.85
Vay và nợ thuê dài hạn	2.85	2.51	2.83	3.11	1.85
Nguồn vốn chủ sở hữu	280	292	291	317	331
Vốn chủ sở hữu	280	292	291	317	331
Vốn điều lệ	105	105	105	210	210
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)